

Số: 15 /2020/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 09 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về tiêu chuẩn, trình độ chuyên ngành
đối với công chức cấp xã và nội dung quản lý cán bộ, công chức
cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 970/TTr-SNV ngày 29 tháng 4 năm 2020 và Tờ trình số 1217/TTr-SNV ngày 01 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tiêu chuẩn, trình độ chuyên ngành đối với công chức cấp xã và nội dung quản lý cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020 và bãi bỏ các văn bản sau:

- Quyết định số 10/2013/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Khánh Hòa;

- Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy định về một số nội dung quản lý cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (thi hành);
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Nội vụ, Vụ pháp chế - Bộ Tài chính, Vụ pháp chế - Bộ LĐTB&XH;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực TU, Thường trực HĐND tỉnh;
Các Ban của HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh; UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Khánh Hòa; Đài PTTH Khánh Hòa;
- Lưu: VT, SNV, MN, HP. 58

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tuân

QUY ĐỊNH

Về tiêu chuẩn, trình độ chuyên ngành đối với công chức cấp xã và nội dung quản lý cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

(Ban hành kèm theo Quyết định số 45./2020/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định về tiêu chuẩn, trình độ chuyên ngành đào tạo phù hợp theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã thuộc tỉnh Khánh Hòa.
2. Quy định về xếp lương, chuyển xếp lương; nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn; điều động, tiếp nhận đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
3. Quy định về chế độ báo cáo thống kê đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức cấp xã được quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan.

Chương II TIÊU CHUẨN, TRÌNH ĐỘ CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO ĐỐI VỚI TỪNG CHỨC DANH CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn đối với công chức cấp xã

1. Công chức cấp xã phải có đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.
2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành.



Điều 4. Trình độ chuyên ngành đào tạo theo yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức

1. Đối với từng chức danh công chức làm việc tại đơn vị hành chính cấp xã thuộc khu vực đồng bằng và đô thị:

a) Trưởng Công an xã: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định khác có liên quan đối với chức danh này;

b) Chỉ huy trưởng Quân sự: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và các quy định khác có liên quan đối với chức danh này;

c) Văn phòng - Thống kê: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Văn thư, Lưu trữ, Hành chính, Quản lý Nhà nước, Quản trị học, Quản trị nhân sự, Quản trị văn phòng, Quản trị nguồn nhân lực, Luật, Xã hội học, Kinh tế, Thống kê, Kế toán, Kiểm toán hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực văn phòng, thống kê, cải cách hành chính, thi đua, khen thưởng, kỷ luật;

d) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn): Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Địa chính, Quản lý đất đai, Trắc địa, Xây dựng, Quy hoạch, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quản lý môi trường, Giao thông, Tài nguyên hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực địa chính, xây dựng, đô thị và môi trường;

Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã): Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Địa chính, Quản lý đất đai, Trắc địa, Xây dựng, Quy hoạch, Kiến trúc, Quản lý đô thị, Quản lý môi trường, Giao thông, Tài nguyên, Nông nghiệp, Lâm nghiệp hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực phát triển nông thôn, thủy lợi, địa chính, nông nghiệp, xây dựng và môi trường;

đ) Tài chính - kế toán: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Tài chính, kế toán, kiểm toán;

e) Tư pháp - hộ tịch: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Luật;

g) Văn hóa - xã hội: Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Văn hóa, Văn hóa - Thông tin, Báo chí - Tuyên truyền, Lịch sử, Triết học, Việt Nam học, Đông phương học, Xã hội học hoặc các chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ liên quan đến các lĩnh vực văn hóa, thể dục, thể thao, du lịch, thông tin truyền thông, lao động, thương binh, xã hội, y tế, giáo dục, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, gia đình, trẻ em và thanh niên.

2. Đối với chức danh công chức làm việc tại các xã được cơ quan có thẩm quyền công nhận thuộc khu vực miền núi, vùng cao, biên giới, hải đảo, xã đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên đối với các chuyên ngành đào tạo theo từng chức danh quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Ngành đào tạo phù hợp với các chức danh công chức cấp xã căn cứ bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, trường hợp cần thiết có thể đối chiếu nội dung, chương trình của ngành đào tạo và quy định của Bộ quản lý chuyên ngành.

Chương III

MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ XẾP LƯƠNG, CHUYỂN XẾP LƯƠNG, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 5. Xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 13/2019/TT-BNV; Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của liên Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và các quy định khác có liên quan.

Điều 6. Nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

Điều 7. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã

Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức cấp xã về quản lý nhà nước, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tiếng dân tộc thiểu số (nếu cần thiết); đảm bảo đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của từng vị trí cán bộ và từng chức danh công chức. Đối với công chức đã tuyển dụng trước ngày Thông tư số 13/2019/TT-BNV có hiệu lực thi hành mà chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 13/2019/TT-BNV.

Điều 8. Điều động, tiếp nhận công chức cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều động, tiếp nhận công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP; đồng thời có báo cáo để Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp.

2. Việc điều động, tiếp nhận công chức cấp xã ra ngoài tỉnh và từ tỉnh khác đến do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Sở Nội vụ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ do cơ quan tiếp nhận báo cáo để



trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Điều 9. Chế độ báo cáo thống kê

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ hoặc các cơ quan quản lý cấp trên theo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm đối với từng nội dung công việc theo phân cấp quản lý và chịu trách nhiệm đối với việc quy định các chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức trong từng kỳ tuyển dụng, theo nhu cầu thực tế công việc của từng địa phương.

3. Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để được xem xét, chỉ đạo thực hiện. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân